

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị lài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Xóm S, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: Xóm S, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: Xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/11/2017, bản tự khai, lời khai trong quá trình điều tra, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Hoài N có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính vợ chồng không hợp. Vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, anh Nguyễn Hoài N chuyển về sống cùng gia đình nhà nội và đi làm xa, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nguyên đơn thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn H, sinh ngày 19/02/1995 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/4/2000; hiện tại hai con chung đều đã trưởng thành, nên ở với ai tùy con quyết định. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Hoài N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống đúng như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị H yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày, hiện hai con đều ở với mẹ và đều đã trưởng thành, nên ở với ai tùy con quyết định. Về tài sản chung và các khoản nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc ở xa, bị đơn không thể trực tiếp tham gia quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Trong các ngày 10/11/2017, 12/12/2017, 30/01/2018, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú chị H và anh N, lấy lời khai bà Lê Thị L, mẹ của anh Nguyễn Hoài N và được cung cấp thông tin như sau: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoài N kết hôn năm 1993. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình chồng tại xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Được một thời gian, hai vợ chồng chuyển ra sống riêng tại xóm S, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì gia đình và chính quyền địa phương không nắm rõ. Năm 2013, anh Nguyễn Hoài N về sống cùng với gia đình nhà nội tại xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An, vợ chồng chị H, anh N sống ly thân từ đó đến nay. Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn H và Nguyễn Thị T, hiện cả hai con đang sống với mẹ và đều đã trưởng thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan

hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Về tình cảm: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hoài N. Về con chung: Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/11/2017, nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung với anh Nguyễn Hoài N cư trú tại xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Tại phiên tòa sơ thẩm do các con chung đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, con ở với ai là quyền của con, chị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N. Căn cứ vào quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hôn nhân gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoài N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoài N đăng ký kết

hôn vào ngày 30 tháng 10 năm 1993 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về lối sống nên thường vợ chồng xảy ra cãi vã, xung đột. Từ năm 2013 đến nay, chị Hương và anh Nam không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị Trần Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Anh Nguyễn Hoài N đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, thương yêu chăm sóc nhau từ năm 2013 đến nay là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoài N có hai con chung là Nguyễn H, sinh ngày 19/02/1995 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/4/2000. Chị H và anh N đều thừa nhận: Hiện tại hai con chung đã trưởng thành nên các con ở với ai là quyền của con, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H là người yêu cầu nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xem xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoài N.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003621 ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lại